

Bản án số: 48/2018/HSST
Ngày 07- 06 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương
2. Ông Trần Đình Diệu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng
tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
38/2018/TLST-HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 132/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 25/2018/QĐST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1995; tại Hải Phòng. Nơi cư trú:
Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
con ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1972 và bà Đồng Thị T, sinh năm 1972; chưa có
vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến ngày
19/6/2017 chuyển tạm giam; có mặt

2. Ngô Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1988; tại Hải Dương. Nơi cư trú:
Khu 6, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
con ông Ngô Văn M, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1958; chưa có vợ,
con; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2017 đến ngày
22/6/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Đỗ Thành L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1995; tại Hải Phòng. Nơi cư trú:
Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn

hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Lương Thị T, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến ngày 19/6/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Lê Thanh T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1994; tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không xác định được bố đẻ) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2017; có mặt.

5. Nguyễn Trường S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1992; tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1960; có vợ là: Hoàng Thị L, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2016; nhân thân: Bản án số 127/HSST ngày 06/9/2012, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2018 đến ngày 12/01/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

2. Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1998; địa chỉ: Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 2002; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/02/2017, Tổ công tác Công an huyện T kết hợp với Trạm Cảnh sát nhân dân cầu Đ làm nhiệm vụ, phát hiện tại nơi ở của Trịnh Văn T ở thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng có 08 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Trịnh Văn T; Ngô Văn Đ; Đỗ Thành L; Lê Thanh T; Vũ Văn Q, sinh năm 1998, trú tại xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; Bùi Văn T, sinh năm 1992, trú tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Văn X, sinh năm 2002, trú tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Văn H, sinh

năm 2000, trú tại xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thu giữ: 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế có gắn ống tẩu (nỏ) thủy tinh bên trong còn bám dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy, 04 vỏ túi nylon bên trong bám dính tạp chất nghi là ma túy, 01 đoạn ống hút bằng nhựa bên trong bám dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy, 01 bật lửa ga dạng khò. Tổ công tác đã đưa các đối tượng trên cùng vật chứng về trụ sở Công an xã K lập biên bản vụ việc (Bút lục: 66-69).

Tại Bản Kết luận giám định số 497/PC54 ngày 07/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 ống tẩu (nỏ) thủy tinh, 04 vỏ túi nylon, 01 đoạn ống hút bằng nhựa mà Công an thu giữ được đều có thành phần Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng chất ma túy có trong mẫu vật.

Cơ quan công an tiến hành giám định thành phần nước tiểu của các đối tượng trên có kết quả: Trịnh Văn T, Ngô Văn Đ, Lê Thanh T, Đỗ Thành L, Bùi Văn T, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn H đều dương tính với Methamphetamine.

Kết quả xác minh tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Hải Phòng, gia đình và bản thân các đối tượng: Trịnh Văn T, Lê Thanh T, Đỗ Thành L, Bùi Văn T, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn H đều không phải là người nghiện chất ma túy; Ngô Văn Đ là người nghiện ma túy.

Quá trình điều tra ban đầu, Cơ quan điều tra đã tạm giao các đối tượng cho gia đình quản lý để chờ kết quả giám định.

Ngày 10/6/2017, Lê Thanh T bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Ngày 16/6/2017, Đỗ Thành L đến Công an huyện T đầu thú, Trịnh Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã số 13 ngày 13/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên.

Ngày 19/6/2017, Ngô Văn Đ bị bắt theo Quyết định truy nã số 11 ngày 13/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại Cơ quan điều tra Trịnh Văn T, Ngô Văn Đ, Đỗ Thành L và Lê Thanh T khai nhận: T, Đ, L và T là bạn bè quen biết xã hội. T, Đ, L, T, H, Q, T và Trịnh Văn V cùng chơi điện tử tại quán internet H ở thôn C, xã K. Đến khoảng 02 giờ ngày 28/02/2017, Đ nảy sinh ý định mua ma túy đá về để cho cả nhóm cùng nhau sử dụng nên đã nhắn tin trên Facebook cho T bảo T mua ma túy đá. Do trước đó Đ đưa 500.000đồng cho T nhờ T đi mua thẻ điện thoại hộ nhưng T chưa đi mua nên Đ đã nói với T đưa tiền cho T. Đ không nói với T đưa tiền cho T làm gì. Sau khi T nhận tiền của T đưa cho, Đ bảo T đi mua 01 túi ma túy đá giá 300.000đồng, còn lại mua thẻ điện thoại. T đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Trường S mua 01 túi ma túy đá với giá 300.000đồng, nhờ S mua hộ 200.000 đồng thẻ nạp tiền điện thoại và bảo S mang đến quán Internet H để giao. S đồng ý.

Trong khi chờ S mang ma túy đến, T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy mang theo người từ trước (gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp chai nhựa đục sẵn 02 lỗ, 02 đoạn ống hút bằng nhựa, 01 đoạn ống hút nhựa một đầu hàn kín 1 đầu vát nhọn, 01 bật lửa dạng khò) để lên mặt bàn máy tính chỗ Đ đang ngồi. Đ lấy 01 vỏ chai nhựa (loại chai Lavie) có sẵn trên mặt bàn, lắp ráp thành bộ đồ sử dụng ma túy. L lấy trong người 01 túi ma túy đã mang theo từ trước đưa cho Đ cầm, xúc ma túy đá vào nỏ, T cầm bộ đồ sử dụng ma túy và châm lửa cho T, L, Đ, T sử dụng. Lúc này, T đứng ngoài cửa chờ S nên không tham gia sử dụng ma túy cùng Đ, L, T, Th.

Khoảng một lúc sau, S đến quán nhận tiền T đưa qua khe cửa, rồi đi một lúc quay lại đưa ma túy và thẻ điện thoại cho T. Có được ma túy, T quay vào chỗ Đ thì thấy T, L, Đ, Th đang sử dụng ma túy. T vào sử dụng ma túy cùng cả nhóm được 02 lần thì hết ma túy. T đưa ma túy vừa mua được của S cho Đ cầm, xúc ma túy cho vào nỏ thủy tinh, T châm lửa đốt ma túy để T, Đ, L, T, Th lần lượt sử dụng. Trong khi nhóm của T sử dụng ma túy, Trịnh Văn V ngồi gần đó đã sử dụng ma túy cùng. T để bộ đồ sử dụng ma túy đá và bật lửa lên bàn chỗ T ngồi chơi điện tử thì V và Q đi đến lấy, sử dụng hết số ma túy còn lại trong tẩu. Thấy V và Q sử dụng ma túy, cả nhóm của T bỏ mặc, không ai ngăn cản hay có thái độ gì khác. Cả nhóm tiếp tục chơi điện tử đến khoảng 06 giờ ngày 28/02/2017 thì đi về. T mang theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy tại quán internet cùng các đối tượng L, Đ, T, Th, Q, X, H về nhà T ngủ đến khoảng 10 giờ thì bị Công an kiểm tra, thu giữ vật chứng như nội dung trên. Quá trình các đối tượng T, Đ, L, T, Th, Q, V sử dụng ma túy, X và H chơi điện tử, không sử dụng ma túy cùng.

Về nguồn gốc số ma túy L đưa cho cả nhóm sử dụng L khai là do ngày 27/02/2017 L mua với giá 150.000đồng của một người không quen biết tại khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng để sử dụng cho bản thân.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn V vắng mặt tại nơi cư trú, chính quyền địa phương và gia đình không biết V đi đâu, làm gì.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn Th và Vũ Văn Q khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. Ngày 28/2/2017, T và Q sử dụng ma túy với L, Đ, T, Th không phải đóng góp gì. Ngoài ra, trước đó vào ngày 26/2/2017 Q cùng X, H, T sử dụng ma túy tại nhà T.

Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn H khai: Ngày 28/2/2017 X, H đến quán chơi điện tử, không tham gia sử dụng ma túy. Lý do trong nước tiểu của X, H dương tính với Methamphetamine là do trước đó vào ngày 26/02/2018, H và X cùng Q, T sử dụng ma túy tại nhà T.

Chị Lương Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã K, huyện T, Hải Phòng khai chị và anh Lê Thế H, sinh năm 1986 (là chồng chị H) là chủ sở hữu quán Internet H là anh Lê Thế H: Ngày 28/02/2017 anh H và chị H đều ngủ, không biết các đối tượng T, Đ, T, L, Th, Q, V sử dụng ma túy tại quán của mình.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn X, Vũ Văn Q khai: khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/02/2018 H, X, Q đến nhà Thái chơi. Tại đây cả nhóm rủ nhau chung tiền mua ma túy về sử dụng nhưng do H, X, Q không có tiền nên cả nhóm đã thỏa thuận T bỏ tiền đi mua ma túy, sau này các đối tượng khác sẽ trả lại cho T sau. T đồng ý và gọi điện thoại cho S mua 01 túi ma túy đá với giá 200.000đồng. S đồng ý. Khoảng 15 phút sau, S đi xe mô tô một mình đến nhà T thì gặp T, H, X, Q đang ngồi ở sân. S đưa ma túy cho T và nhận 200.000đồng. H, X và Q ngồi ngay gần đó, chứng kiến việc S, T giao dịch mua bán ma túy. Có được ma túy, T lấy bộ đồ sử dụng ma túy đá có trong nhà, cho ma túy vào nỏ rồi châm lửa để cả nhóm cùng nhau sử dụng. Ngoài ra, T, H, X, Q khai: đã nhiều lần mua ma túy của S nhưng không nhớ chính xác thời gian, địa điểm, số lượng ma túy.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Trường S. Thu giữ: 07 túi nylon bên trong bám dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 bình thủy tinh bên trên có nắp nhựa được đục 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa, 01 bật lửa dạng khò, 15 vỏ túi nylon.

Tại bản Kết luận giám định số 497/PC54(MT) ngày 07/3/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: tinh thể bám dính trong 07 túi nylon thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trường S đều có thành phần Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng chất ma túy có trong mẫu vật (Bút lục: 89). Ngày 07/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên ra quyết định khởi tố và truy nã đối với Nguyễn Trường S.

Ngày 10/01/2018, Nguyễn Trường S đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú và giao nộp 01 thẻ sim điện thoại số 0948.032.204 đã dùng để liên lạc mua bán ma túy với T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trường S khai nhận phù hợp với lời khai của T, X, H, Q về việc bán ma túy cho T vào ngày 26/02/2017. Về nguồn gốc số ma túy S bán cho T là do sáng ngày 26/02/2017 S mua với giá 200.000 đồng của một người đàn ông không quen biết ở khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng để sử dụng cho bản thân. Đây là lần đầu tiên S bán ma túy. S không thừa nhận đã bán ma túy cho T vào ngày 28/02/2017 tại quán internet H như nội dung nêu trên. S thừa nhận ngày 28/02/2017 có đến quán internet H nhưng chỉ đưa thẻ điện thoại cho T gồm 04 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đồng, S không bán ma túy cho T. Nguồn gốc các vật chứng thu giữ tại nhà S là của S dùng để sử dụng ma túy cho bản thân. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa T với S, kết quả các bên giữ nguyên lời khai.

Vật chứng của vụ án gồm có: 01 phong bì niêm phong các đồ vật sau giám định (gồm 01 nỏ thủy tinh, 04 vỏ túi nylon, 01 đoạn ống hút nhựa, 07 túi nylon); 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 02 bật lửa dạng khò, 01 sim điện thoại số thuê bao 0948.032.204, 01 bình thủy tinh bên trên có nắp nhựa được đục 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa, 15 vỏ túi nylon chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Tại Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Trịnh Văn T, Ngô Văn Đ, Đỗ Thành L, Lê Thanh T đã đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm Điểm b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố bị cáo Nguyễn Trường S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, vi phạm Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn Đ, Trịnh Văn T, Lê Thanh T và Đỗ Thành L đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Ngô Văn Đ mức án từ 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2017.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Trịnh Văn T mức án từ 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Lê Thanh T mức án từ 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2017.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6

năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt: Đỗ Thành L mức án tù 07 (bảy) năm đến 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Nguyễn Trường S mức án tù 42 (bốn mươi hai) tháng đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được, các kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, phù hợp nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận:

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Ngày 28/02/2017, Ngô Văn Đ, Trịnh Văn T, Đỗ Thành L, Lê Thanh T đã cùng chung ý chí và hành vi đưa trái phép chất ma túy là Methamphetamine vào cơ thể của nhiều người (Bùi Văn T, Vũ Văn Q và Trịnh Văn V). Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng với mong muốn mục đích sử dụng ma túy cũng như đưa được chất ma túy vào cơ thể người khác một cách trái phép các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi mà các bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi mà bị cáo Đ, T, L và T thực hiện đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “đối với nhiều người” theo điểm b Khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Ngày 26/02/2018, Nguyễn Trường S đã thực hiện hành vi bán trái phép 01 túi ma túy đá (methamphetamine) cho Trịnh Văn T với giá 200.000 đồng. Hành vi mà bị cáo S thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vi phạm Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Mặt khác, tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, hạ thấp phẩm giá con người. Ma túy còn là tác nhân lây truyền căn bệnh thế kỷ AIDS. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến công, bị cáo L sau khi phạm tội đã ra đầu thú và có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia phục vụ quân ngũ. Bị cáo S sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có đồng phạm, do vậy cần thiết phải phân hoá vai trò của từng bị cáo làm cơ sở cho việc lượng hình. Bị cáo Đ giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng, cung cấp tiền mua ma túy, lắp ráp dụng cụ, xúc ma túy vào nỏ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của T, Q, V. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đ phải cao nhất và phải trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội với vai trò giúp sức bằng cách chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và đi mua ma túy. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Thái thấp hơn so với bị cáo Đ và cao hơn so với bị cáo còn lại.

Bị cáo L, T tham gia với vai trò là người giúp sức đồng phạm, L là người cung cấp ma túy, T là người châm lửa cho các đối tượng sử dụng ma túy) nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau và thấp hơn so với bị cáo T. Tuy nhiên, bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ so với bị cáo T nên mức hình phạt của bị cáo L phải thấp hơn so với bị cáo T. Bị cáo S phải chịu hình phạt độc lập về mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đ là người nghiện ma túy, S có nhân thân xấu, bị cáo L, T tuy nhân thân chưa có tiền án tiền sự song tội phạm mà các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục từng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Theo Khoản 5 Điều 197 và Điều 194 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên tài liệu điều tra xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập và không có tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đang quản lý gồm: 01 phong bì niêm phong các đồ vật sau giám định (gồm 01 nỏ thủy tinh, 04 vỏ túi nylon, 01 đoạn ống hút nhựa, 07 túi nylon); 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 02 bật lửa dạng khò, 01 sim điện thoại số thuê bao 0948.032.204; 01 bình thủy tinh bên trên có nắp nhựa được đục 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa, 15 vỏ túi nylon. Xét thấy các vật chứng nói trên là phương tiện, dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Ngô Văn Đ 10 (mười) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2017.

- Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Trịnh Văn T mức án tù 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Lê Thanh T mức án tù 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2017.

- Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Đỗ Thành L mức án tù 07 (bảy) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Nguyễn Trường Sơn mức án 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong các đồ vật sau giám định (gồm 01 nỏ thủy tinh, 04 vỏ túi nylon, 01 đoạn ống hút nhựa, 07 túi nylon); 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 02 bát lửa dạng khò, 01 sim điện thoại số thuê bao 0948.032.204, 01 bình thủy tinh bên trên có nắp nhựa được đục 02 lỗ gắn 02 ống hút nhựa, 15 vỏ túi nylon (Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử

Bị cáo Ngô Văn Đ, Trịnh Văn T, Lê Thanh T, Đỗ Thành L và Nguyễn Trường S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- CA huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Ấn văn, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương Hoàng Đức Hân

Lương Ngọc Anh

